TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16- 10- 2018
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận
Ông Trần Văn Trọng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Danh Thị Ngọc Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Q- sinh năm: 1982

Trú tại: 4Ô2/15 tổ 11, khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1978

Nơi ĐKNKTT: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở hiện nay: Tổ 11, khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Hà Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu và quen biết nhau, vào năm 2009, bà Hà Thị Q và ông Nguyễn Thanh B tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Đ, tỉnh BR-

VT theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01 ngày 05 tháng 01 năm 2010.

Vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình nên thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau. Đến năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên bà Q và ông B phải ly thân nhau.

Trong thời gian ly thân, hai bên mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn. Nay, bà Q xác định không còn tình cảm với ông B nữa và mâu thuẫn giữa hai người đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Thúy A, sinh ngày 9 tháng 11 năm. Từ thời điểm ly thân đến nay, con chung ở với bà Q. Nay, bà Q yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q xác định không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh B:

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện tống đạt trực tiếp cho ông B các văn bản tố tụng nhưng ông B đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy ý kiến của ông B.

* Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng bà Q trước khi ly thân sinh sống thì được biết mâu thuẫn vợ chồng như thế nào địa phương không nắm vì những lần xảy ra mâu thuẫn không trình báo với chính quyền địa phương nhưng hiện nay hai vợ chồng đã ly thân với nhau và về con chung có 01 cháu do bà Q đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; về tài sản chung và nợ chung: địa phương không rõ.

Đại diện VKS nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn ông Nguyễn Thanh B triệu tập nhiều lần không đến là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B có nơi cư trú tại huyện Đ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về yêu cầu ly hôn:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh B và bà Hà Thị Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển 01 ngày 05 tháng 01 năm 2010. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qúa trình chung sống, theo bà Q trình bày thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, hai người không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau. Do vậy, chung sống nhưng không mang lại hạnh phúc mà chỉ gây đau khổ cho nhau và ngày một trầm trọng phải dẫn đến ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân thì hai bên không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà Q xác định tình cảm dành cho ông B không còn, không thể quay về đoàn tụ nên kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông B nhiều lần đến lấy ý kiến, hòa giải, tham gia phiên tòa, ông B trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nhưng không đến, bỏ mặc bà Q muốn làm gì thì làm điều đó cho thấy ông B không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân, không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng. Đồng thời, xét tình cảm vợ chồng là sự tự nguyện giữa hai người, khi một bên không còn tình cảm gắn bó, không thể chung sống thuận hòa thì đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể xây dựng gia đình hạnh phúc.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của bà Q.

[2.2] **Về con chung**: Bà Q xác định vợ chồng có 01 người con chung tên là Nguyễn Thúy A, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2010. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân thì bà Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét, cháu A còn nhỏ, đang sống ổn định với bà Q, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, theo nguyện vọng cháu mong muốn được ở với mẹ. Do đó, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu A cho bà Q được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Tạm thời bà Q không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà Q tự khai không có, không tranh chấp; Ông B trong quá trình Tòa án giải quyết cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Hà Thị Q phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị Q. Bà Hà Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

2. *Về con chung*: Bà Hà Thị Q được quyền trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thúy A, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2010 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Tạm thời bà Q không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

- Bà Hà Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2017/0001380 ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà Hà Thị Q đã nộp xong tiền án phí.

- Ông Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Phước Hải;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền